

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày: 12 – 4 – 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP ĐT.**

Địa chỉ: Đường K, Phường T, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Anh L**, chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Đ. Địa chỉ: Ngân hàng TMCP ĐT - Chi nhánh huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, (đại diện ủy quyền, theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 185/BIDV.ST-QLRR ngày 11-8-2023 của Ngân hàng TMCP ĐT - Chi nhánh Sóc Trăng), (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông **Chiêm Đức T**, (có mặt).

2. Bà **Lư Ngọc X**, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Chiêm Bảo A**.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2023, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP ĐT và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Anh L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Ông Chiêm Đức T và bà Lu Ngọc X cùng Ngân hàng TMCP ĐT – Phòng giao dịch Đ (sau đây viết tắt là: Ngân hàng) ký kết hợp đồng tín dụng số 194/2020/10769237/HĐTD ngày 22-4-2020, nội dung: Ông T, bà X vay của Ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng); mục đích vay: Mua bán lúa giống; lãi suất 10,3%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất vay; thời hạn 11 tháng, đến hạn ngày 22-3-2021.

Tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 343142 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Chiêm Đức T vào ngày 16-10-2012, thửa đất số 97, tờ bản đồ số 22, tọa lạc ấp C, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 035/2018/10769237/HĐBĐ ngày 28-02-2018 được ký kết giữa ông T, bà X với Ngân hàng.

Trong quá trình vay vốn, ông T và bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và nợ vay đang quá hạn. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà X trả các khoản nợ. Nếu không trả thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa, ông L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà X trả cho Ngân hàng:

- Tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12-4-2024) là 107.726.537 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng), trong đó gồm: Nợ gốc là 70.000.000 đồng; lãi trong hạn là 25.264.631 đồng; lãi quá hạn là 12.461.906 đồng.

- Tiền lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 194/2020/10769237/HĐTD ngày 22-4-2020 đã ký kết.

Trường hợp ông T và bà X không còn khả năng trả nợ, thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 035/2018/10769237/HĐBĐ ngày 28-02-2018 như đã nêu trên.

2. Trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10-01-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Chiêm Đức T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày, nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với đất, ông sử dụng cùng với vợ ông là bà Lu Ngọc X và con tên Chiêm Bảo A, sinh năm 2004.

Ông đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng hiện nay do hoàn cảnh khó khăn vì còn nhiều người khác đang nợ tiền của ông chưa trả, nên ông không có khả năng trả nợ ngay. Ông xin nguyên đơn cho ông đến tháng 10 năm 2024 sẽ trả dứt nợ.

3. Đối với bị đơn bà Lư Ngọc X, trong Đơn giải trình ý kiến xin gia hạn nợ ngày 18-01-2024, bà X trình bày: Bà xin gia hạn thêm 03 vụ lúa tới, bà sẽ trả lãi và gốc.

4. Đối với chị Chiêm Bảo A, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng; thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng chị A đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

5. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn ông T đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị A đều không tham gia tố tụng là đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu buộc các bị đơn trả lại tiền vay và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay, do bị đơn có địa chỉ tại ấp C, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn bà Lư Ngọc X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Chiêm Bảo A đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa họp lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng

xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ vay:

[2.1] Theo Hợp đồng tín dụng số 194/2020/10769237/HĐTD ngày 22-4-2020, nội dung: ông T, bà X vay của Ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bán lúa giống, lãi suất 10,3%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay là 11 tháng, ngày giải ngân: 22-4-2020, ngày đáo hạn: 22-3-2021. Trong quá trình vay vốn, thì ông T và bà X không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, là vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Đến nay số nợ này chuyển sang nợ quá hạn.

Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T và bà X số tiền vốn là 70.000.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12-4-2024 còn nợ tổng cộng là 107.726.537 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng), trong đó gồm: Nợ gốc là 70.000.000 đồng; lãi trong hạn là 25.264.631 đồng; lãi quá hạn là 12.461.906 đồng. Việc ông T và bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi là vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T và bà X có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả theo hợp đồng và theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp quy định pháp luật. Số tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng là đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông T và bà X trả tiền vốn và tiền lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp:

[3.1] Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp số 035/2018/10769237/HĐBĐ ngày 28-02-2018 được ký kết giữa ông T, bà X với Ngân hàng đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Vũ B, số công chứng: 974, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng ngày 28 tháng 02 năm 2018 thì ông T và bà X đã thế chấp cho Ngân hàng phần đất thửa đất số 97, tờ bản đồ số 22, diện tích 205,1m² và tài sản gắn liền với đất: diện tích xây dựng 48,32m² và diện tích sàn: 48,32m², kết cấu: Khung cột BTCT, mái tol sóng vuông, trần thạch cao, nền gạch men, địa chỉ: Ấp C, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 343142 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16-10-2012 cho ông Chiêm Đức T, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 035/2018/10769237/HĐBĐ ngày 28-02-2018 có thỏa thuận: Bên thế chấp dùng toàn bộ Tài sản thế chấp tại Điều 2 Hợp đồng này để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên vay đối với hợp đồng tín dụng được ký kết trong thời gian từ ngày 28-02-2018 đến ngày 28-02-2023.

[3.2] Ngày 18-01-2024 Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 22 với kết quả như sau:

- Vị T có tứ cận:
 - + Hướng Đông giáp Đường Tỉnh 934;
 - + Hướng Tây giáp thửa số 40;
 - + Hướng Nam giáp thửa số 98 (đất bà Chiêm Thị Thanh M);
 - + Hướng Bắc giáp thửa số 74 (đất bà Trần Thu H).
- Tài sản gắn liền với đất gồm có:
 - + Nhà 1 (Nhà chính): Diện tích $(4,1m \times 16m) \times (2,5 \times 3) = 73,1m^2$.
 - + Kết cấu: Nền gạch men, vách tường 10cm, cột bê tông, trần thạch cao, đỡ mái gỗ, mái tôn sóng vuông.
 - + Nhà 2: Diện tích $3,3m \times 8,6m = 28,38m^2$.
 - + Kết cấu: Nền láng xi măng, cột bê tông và cây, vách tường 10cm, đỡ mái gỗ, mái tôn sóng vuông.
- Hàng rào phía trước: Dài 9,8m.
Trụ đá bê tông, cốt thép, rào song sắt.
- Hàng rào phía sau: Dài $7,3m + 7,3m + 2,2m$.
Xây tường 10cm; cao 0,5m; cột 20cm x 20cm.
- Sân: Diện tích $(3,3m \times 6,5m)/2 + (2,3m \times 9,5m) = 32,575m^2$.
Nền láng xi măng.
- Cây trồng:
 - Xoài loại B: 02 cây và loại C: 02 cây; Mít loại A: 01 cây và loại C: 02 cây;
 - Chuối loại B: 12 cây; Sả: $6m^2$; Mãng cầu ta loại A: 02 cây, loại B: 01 cây, loại C: 04 cây; Hoa Mai: 01 cây có đường kính 0,6cm và cao 1,5m; Cam loại C: 01 cây; Me loại C: 01 cây.

Tại thời điểm thế chấp, thì gắn liền với đất là căn nhà, sau đó ông T trồng cây và xây cất thêm một mái nhà dùng làm kho. Theo khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 035/2018/10769237/HĐBĐ ngày 28-02-2018 ghi nhận: Trường hợp Bên thế chấp đầu tư thêm vào tài sản thế chấp thì phần tài sản tăng thêm do đầu tư cũng thuộc tài sản thế chấp. Vì vậy, tài sản thế chấp là bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất.

Các tài sản này thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông T và bà X. Căn nhà hiện nay có ông T, bà X và con là chị Chiêm Bảo A, sinh năm 2004 đang ở. Tại thời điểm thế chấp, trong hộ của ông T còn có chị Bảo A, nhưng do chị Bảo A dưới 15 tuổi, nên không ghi nhận ý kiến của chị A đối với tài sản thế chấp, là phù hợp.

[3.3] Xét Hợp đồng thế chấp, về hình thức, thẩm quyền công chứng, chủ thể thế chấp là phù hợp pháp luật. Nên nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản này để thu hồi nợ khi bị đơn không thanh toán nợ vay là có cơ sở.

[4] Từ những phân tích trên, cần buộc ông T và bà X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-4-2024 là 107.726.537 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng), trong đó gồm: Nợ gốc là 70.000.000 đồng; lãi trong hạn là 25.264.631 đồng; lãi quá hạn là 12.461.906 đồng.

Ông T và bà X còn phải chịu lãi cho đến khi thA toán xong nợ cho Ngân hàng, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Trường hợp ông T và bà X không thanh toán nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 97, tờ bản đồ số 22 và các tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà hai bên đã ký kết.

Ông T và bà X xin gia hạn thời gian trả nợ, nhưng không được bên nguyên đơn chấp nhận, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông T và bà X phải chịu là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng). Ngân hàng đã tạm nộp xong, nên ông T và bà X phải nộp để trả lại cho Ngân hàng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[7.1] Ông T và bà X có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, nên ông, bà phải chịu án phí dân sự, cụ thể: $107.726.537 \text{ đồng} \times 5\% = 5.386.326 \text{ đồng}$ (Năm triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng).

[7.2] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ, nên trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 322, 357, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP ĐT về việc buộc bị đơn ông Chiêm Đức T và bà Lư Ngọc X trả tiền nợ vay.

1.1. Buộc bị đơn ông Chiêm Đức T và bà Lư Ngọc X liên đới trả cho Ngân hàng TMCP ĐT số tiền nợ tổng cộng là 107.726.537 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu

bảy trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng), tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12 tháng 4 năm 2024, trong đó gồm:

- Tiền nợ gốc: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).
- Lãi suất trong hạn: 25.264.631 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi một đồng).
- Lãi suất quá hạn: 12.461.906 đồng (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn chín trăm lẻ sáu đồng).

1.2. Về tiền lãi chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 13 tháng 4 năm 2024), ông Chiêm Đức T và bà Lu Ngọc X còn tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 194/2020/10769237/HĐTD ngày 22-4-2020, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số tín dụng số 194/2020/10769237/HĐTD ngày 22-4-2020, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP ĐT, thì lãi suất mà ông T và bà X phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP ĐT.

1.3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP ĐT có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Chiêm Đức T và bà Lu Ngọc X không trả tiền nợ nêu trên, thì Ngân hàng TMCP ĐT có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 035/2018/10769237/HĐBĐ ngày 28-02-2018, đó là phần đất thửa số 97, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: Ấp C, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng và các tài sản gắn liền với thửa đất.

Khi ông Chiêm Đức T và bà Lu Ngọc X trả hết nợ, thì Ngân hàng TMCP ĐT phải giao trả lại cho ông Chiêm Đức T và bà Lu Ngọc X bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã thế chấp.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bị đơn ông Chiêm Đức T và bà Lu Ngọc X phải liên đới chịu 5.386.326 đồng (Năm triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng) án phí sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho Ngân hàng TMCP ĐT số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.425.814 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm mười bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010421 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Chiêm Đức T và bà Lu Ngọc X liên đới chịu 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng); Ngân hàng

TMCP ĐT đã tạm nộp xong, nên ông T và bà X phải nộp 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) để trả lại cho Ngân hàng TMCP ĐT. Chi phí này đã được chi xong.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày Tòa án giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh